

Số:865 /BC-UBND

Khánh An, ngày 04 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Khánh An

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10/8/2026 của Đoàn giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau; đồng thời triển khai Chương trình số 12-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, Ủy ban nhân dân xã Khánh An báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG, THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Đặc điểm tình hình địa phương

Xã Khánh An được thành lập theo Nghị quyết số 1655/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở sắp xếp toàn bộ địa giới hành chính xã Khánh An cũ và một phần địa giới hành chính xã Nguyễn Phích, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025. Sau sắp xếp, xã có diện tích tự nhiên khoảng 177,70 km², dân số 27.710 người, gồm 21 ấp. Địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều; cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thương mại, dịch vụ, chế biến nông - thủy sản và các ngành nghề nông thôn. Đây là điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào sản xuất, lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ và tạo việc làm, nhưng đồng thời cũng dẫn đến tình trạng sản xuất, kinh doanh còn phân tán, quy mô nhỏ.

Kinh tế tư nhân trên địa bàn phát triển gắn chặt với điều kiện sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nhu cầu tiêu dùng tại chỗ. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tham gia tương đối đa dạng từ cung ứng vật tư, giống, dịch vụ phục vụ sản xuất, thu mua, chế biến, vận chuyển đến tiêu thụ nông sản, thủy sản, hàng hóa thiết yếu và các dịch vụ phục vụ đời sống Nhân dân.

2. Quy mô khu vực kinh tế tư nhân

Theo số liệu quản lý, cập nhật đến ngày 31/8/2026, toàn xã có 67 doanh nghiệp, trong đó 55 doanh nghiệp đang hoạt động thường xuyên, 04 doanh nghiệp chờ giải thể và 08 doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký; có 04 hợp tác xã với 178 xã viên và 333 hộ kinh doanh cá thể. Trong 67 doanh nghiệp hiện có, doanh nghiệp hoạt động thường xuyên chiếm khoảng 82,09%; doanh nghiệp chờ giải thể và không hoạt động tại địa chỉ đăng ký chiếm khoảng 17,91%. Số liệu này cho thấy khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn đã hình thành khá đa dạng nhưng chất lượng và mức độ ổn định giữa các chủ thể còn khác nhau.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tập trung chủ yếu vào thương mại, dịch vụ, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông - thủy sản, xây dựng, vận tải, cung ứng vật tư nông nghiệp và các ngành nghề phục vụ đời sống, sản xuất. Một số chủ thể đã bước đầu quan tâm đến sản xuất an toàn, sản xuất hữu cơ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, mở rộng quy mô, đổi mới phương thức kinh doanh và sử dụng nền tảng số để quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

Từ năm 2023 đến nay, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đã góp phần tạo việc làm ổn định cho trên 1.000 lao động tại địa phương. Đây là một trong những đóng góp trực tiếp của khu vực kinh tế tư nhân đối với giải quyết việc làm, tạo thu nhập và ổn định đời sống Nhân dân.

3. Mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân đã được cụ thể hóa

Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã ban hành Kế hoạch số 02-KH/ĐU để triển khai Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 68-NQ/TW. Kế hoạch xác định phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với đổi mới tư duy quản lý, cải cách hành chính, tạo thuận lợi về đất đai, vốn, nhân lực, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh, đồng thời tăng cường liên kết chuỗi.

Theo kế hoạch của Đảng ủy xã, đến năm 2030 phấn đấu thành lập mới 109 doanh nghiệp, có 40 - 50 hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp, có ít nhất 01 doanh nghiệp trên địa bàn tham gia vào chuỗi giá trị và đưa trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt mức trung bình của tỉnh.

Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26/9/2025 tiếp tục lượng hóa mục tiêu của xã đến năm 2030 với 135 doanh nghiệp, 40 - 50 hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp, hình thành 01 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị; tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực kinh tế tư nhân phấn đấu 10 - 12%/năm, năng suất lao động tăng bình quân 8,5 - 9,5%/năm, đóng góp khoảng 50 - 55% GRDP, khoảng 35 - 40% tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng 75 - 80% tổng số lao động.

Với số liệu hiện trạng 67 doanh nghiệp đến ngày 31/8/2026, số doanh nghiệp hiện có đã đạt khoảng 49,63% mục tiêu 135 doanh nghiệp đến năm 2030. Đây là kết quả bước đầu, đồng thời cho thấy cần tiếp tục tập trung cả vào phát triển số lượng và nâng cao chất lượng, tính ổn định của **doanh nghiệp** trong thời gian tới.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và cụ thể hóa chủ trương

Ban Chấp hành Đảng bộ xã xác định phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ quan trọng gắn với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và huy động nguồn lực xã hội. Việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW được thực hiện đồng bộ với nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thương mại, dịch vụ, xây dựng nông thôn mới, cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã ban hành Kế hoạch số 02-KH/ĐU để cụ thể hóa Kế hoạch số 05-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kế hoạch đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; yêu cầu đổi

mới tư duy từ “quản lý” sang “đồng hành”, bảo vệ quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng và tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26/9/2025, giao các cơ quan, đơn vị triển khai theo chức năng, nhiệm vụ; giao Phòng Kinh tế theo dõi, đôn đốc, tổng hợp. Trong quá trình tổ chức thực hiện, xã xác định nguyên tắc đúng chức năng, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, không gây phiền hà và không can thiệp trái quy định vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Việc triển khai các nội dung của Chương trình số 12-CTr/TU và Kế hoạch số 25-KH/ĐU được lồng ghép vào công tác điều hành của xã, tập trung vào những nội dung thiết thực như cải cách hành chính, đất đai, vốn, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ dân và xúc tiến thương mại.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 68-NQ/TW

Ủy ban nhân dân xã đã lồng ghép tuyên truyền Nghị quyết số 68-NQ/TW và các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh và của xã trong các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội, tuyên truyền tại các ấp và trên hệ thống truyền thanh.

Xã đã tổ chức 14 cuộc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, với 768 lượt cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham dự, bình quân khoảng 55 lượt người/cuộc; đồng thời thực hiện tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh 48 lượt.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ tuân thủ pháp luật; chính sách đất đai, tín dụng, thuế, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thương mại điện tử, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm.

Đối với 333 hộ kinh doanh, xã tập trung tuyên truyền các quy định về đăng ký kinh doanh, thuế, an toàn thực phẩm, môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các điều kiện kinh doanh; đồng thời khuyến khích hộ có quy mô, năng lực và khả năng mở rộng chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đối với 67 doanh nghiệp và 04 hợp tác xã, nội dung tuyên truyền tập trung vào nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận vốn, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu và liên kết sản xuất.

3. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Ủy ban nhân dân xã xác định cải cách hành chính là giải pháp trực tiếp để giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Các thủ tục thuộc thẩm quyền được công khai về thành phần hồ sơ, trình tự, thời gian giải quyết, phí và lệ phí; thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa và từng bước tăng cường xử lý trên môi trường điện tử.

Cán bộ, công chức được quán triệt đổi mới tư duy hành chính từ kiểm soát sang phục vụ, đồng hành; hướng dẫn hồ sơ đầy đủ ngay từ đầu, hạn chế việc phải bổ sung nhiều lần. Trong tổng số 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã và 333 hộ kinh doanh hiện có trên địa bàn, đây là yếu tố có ý nghĩa thiết thực vì phần lớn các chủ thể có quy mô nhỏ, không có bộ phận chuyên trách về pháp lý và thủ tục hành chính.

Kế hoạch số 33/KH-UBND và Kế hoạch số 02-KH/ĐU đều xác định ứng dụng chuyển đổi số để giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, tăng cường công khai, minh bạch và xây dựng kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

4. Bảo đảm quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng

Trong quá trình quản lý, xã thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các loại hình kinh tế trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính và các chính sách thuộc phạm vi thẩm quyền. Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh được tuyên truyền về quyền tự do kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật và trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, đất đai, môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy và các điều kiện chuyên ngành.

Xã đồng thời phối hợp tuyên truyền, vận động phòng ngừa hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại và các hành vi ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Kế hoạch số 02-KH/ĐU xác định rõ yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, thực thi hợp đồng, chống hàng giả, hàng nhái và hạn chế các hành vi kiểm tra gây phiền hà cho doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh

Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân thực hiện các thủ tục đất đai; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ thuộc thẩm quyền; phối hợp rà soát, xác minh nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất khi phát sinh yêu cầu.

Với diện tích 177,70 km², sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản phân bố rộng, đất đai là nguồn lực có ý nghĩa đặc biệt đối với khu vực kinh tế tư nhân. Vì vậy, xã tập trung hỗ trợ về thông tin, thủ tục, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc.

Kế hoạch số 02-KH/ĐU xác định phấn đấu giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tăng cường số hóa thủ tục đất đai, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phối hợp giải phóng mặt bằng.

Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành, xã thực hiện rà soát, tổng hợp và kiến nghị xử lý, không giải quyết vượt thẩm quyền.

6. Hỗ trợ tiếp cận vốn và các nguồn lực tài chính

Xã đã tuyên truyền các chương trình tín dụng, chính sách hỗ trợ vốn, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có nhu cầu liên hệ tổ chức tín dụng để được cung cấp thông tin và điều kiện vay vốn.

Đối với chủ thể kinh tế, xã vận động xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh có tính khả thi, minh bạch tài chính và sử dụng vốn đúng mục đích. Qua theo dõi, khó khăn phổ biến là vốn tự có hạn chế, thiếu tài sản bảo đảm và phương án sản xuất, kinh doanh chưa đủ chặt chẽ.

Kế hoạch số 02-KH/ĐU xác định hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, minh bạch tài chính, chuẩn hóa kế toán để tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính.

Đây là lĩnh vực xã chủ yếu thực hiện vai trò tuyên truyền, kết nối và hướng dẫn; việc quyết định cho vay thuộc tổ chức tín dụng theo quy định.

7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Từ năm 2023 đến nay, khu vực doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh đã góp phần tạo việc làm ổn định cho trên 1.000 lao động. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của một bộ phận doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh vẫn còn hạn chế.

Xã phối hợp giới thiệu và tạo điều kiện để các chủ thể tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về quản trị, thương mại điện tử, chuyển đổi số, ứng dụng AI, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường; đồng thời vận động doanh nghiệp chú trọng đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho người lao động.

Theo Kế hoạch số 02-KH/ĐU, xã định hướng huy động nguồn lực hợp pháp để đào tạo, bồi dưỡng giám đốc điều hành và khuyến khích doanh nhân có kinh nghiệm chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm cho lực lượng kinh doanh trên địa bàn.

8. Thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xã đã tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh từng bước ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích sử dụng thương mại điện tử, mạng xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt, mã QR, truy xuất nguồn gốc và các công cụ số.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và chế biến nông - thủy sản, xã khuyến khích ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng và giảm chi phí. Việc hỗ trợ được định hướng phù hợp với khả năng của 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã và 333 hộ kinh doanh, tránh yêu cầu công nghệ vượt quá quy mô và khả năng tài chính của chủ thể.

Mục tiêu đến năm 2030 là đưa trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của khu vực kinh tế tư nhân đạt mức trung bình của tỉnh.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

Đây là nhóm đối tượng trọng tâm bởi khu vực kinh tế tư nhân hiện nay của xã chủ yếu gồm doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh. Với 67 doanh nghiệp và 333 hộ kinh doanh, xã tập trung hỗ trợ tiếp cận chính sách, thủ tục, đất đai, vốn, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và thị trường.

Trong tổng số 67 doanh nghiệp hiện có, 55 doanh nghiệp hoạt động thường xuyên, trong khi 04 doanh nghiệp chờ giải thể và 08 doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Vì vậy, cùng với phát triển doanh nghiệp mới, xã chú trọng củng cố doanh nghiệp đang hoạt động, nắm bắt khó khăn và hỗ trợ trong phạm vi thẩm quyền.

Đối với hộ kinh doanh, xã tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký, thuế, điều kiện kinh doanh và vận động các hộ có đủ điều kiện chuyển đổi lên doanh nghiệp. Mục tiêu đến năm 2030 là có 40 - 50 hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp.

10. Phát triển hợp tác xã và liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ dân

Hiện xã có 04 hợp tác xã với 178 xã viên, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ. Xã tiếp tục định hướng các hợp tác xã phát huy vai trò tập hợp hộ dân, tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ đầu vào và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

Liên kết được tập trung vào những lĩnh vực phù hợp với địa phương như lúa - tôm, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông - thủy sản, cung ứng vật tư, thu mua và tiêu thụ sản phẩm. Với 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã và 333 hộ kinh doanh, xã có cơ sở để từng bước phát triển liên kết theo chuỗi, nhưng hiện nay mức độ liên kết còn nhỏ, chưa ổn định và chưa có nhiều doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt.

Kế hoạch của Đảng ủy xã xác định mục tiêu đến năm 2030 có ít nhất 01 doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị, tạo hạt nhân để kết nối sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

11. Xúc tiến thương mại, phát triển sản phẩm và OCOP

Xã đã phối hợp tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia hội chợ, kết nối cung cầu, giới thiệu, quảng bá sản phẩm do tỉnh và cơ quan chuyên môn tổ chức; hướng dẫn các chủ thể chú trọng chất lượng, mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc.

Đối với các sản phẩm có tiềm năng OCOP, xã phối hợp hướng dẫn chủ thể hoàn thiện hồ sơ, điều kiện và từng bước xây dựng thương hiệu. Đồng thời, khuyến khích kết hợp phương thức quảng bá trực tiếp với quảng bá trên môi trường số.

Tuy nhiên, phần lớn hộ kinh doanh có quy mô nhỏ, nguồn lực cho quảng bá, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường còn hạn chế; thị trường tiêu thụ nhiều sản phẩm vẫn chủ yếu trong xã và khu vực lân cận.

12. Đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và quan hệ giữa chính quyền với doanh nghiệp

Xã thường xuyên tuyên truyền doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thực hiện đúng pháp luật, giữ gìn đạo đức, văn hóa kinh doanh, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn sản phẩm, thực hiện nghĩa vụ thuế và trách nhiệm đối với người lao động.

Kế hoạch số 02-KH/ĐU xác định xây dựng quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền và doanh nghiệp theo hướng chặt chẽ, thực chất, chia sẻ, cởi mở, chân thành, đồng thời khuyến khích doanh nhân đổi mới tư duy, sáng tạo, làm giàu chính đáng và đóng góp cho cộng đồng.

13. Gặp gỡ, đối thoại, tiếp nhận và giải quyết khó khăn

Kế hoạch số 02-KH/ĐU quy định Ủy ban nhân dân xã tổ chức gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp định kỳ hàng quý để chia sẻ và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Qua nắm tình hình, khó khăn của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chủ yếu tập trung vào đất đai, vốn, thủ tục hành chính, lao động, công nghệ và thị trường. Xã thực hiện xử lý nội dung thuộc thẩm quyền; đối với nội dung vượt thẩm quyền thì tổng hợp, chuyển cơ quan chuyên môn cấp trên và theo dõi kết quả.

Việc duy trì kênh trao đổi thường xuyên giúp chính quyền có cơ sở cập nhật tình hình của 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã và 333 hộ kinh doanh, đồng thời xác định những vấn đề cần kiến nghị cấp tỉnh.

III. VIỆC THỰC HIỆN VÀ TIẾP CẬN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Việc triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân tại xã được thực hiện theo hướng tuyên truyền, hướng dẫn, kết nối, phối hợp và kiến nghị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cấp xã.

Đối tượng được quan tâm gồm 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã với 178 xã viên và 333 hộ kinh doanh. Nội dung hỗ trợ tập trung vào thủ tục hành chính, đất đai, vốn, đào tạo, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại, phát triển sản phẩm và liên kết sản xuất.

Đối với chính sách của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, xã tập trung phổ biến các nội dung liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh và hợp tác xã; hướng dẫn tiếp cận các chương trình hỗ trợ được triển khai trên địa bàn tỉnh.

Đối với chính sách về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 đã được thay thế bằng Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026; xã có trách nhiệm cập nhật, tuyên truyền và hướng dẫn các chủ thể tiếp cận chính sách mới theo quy định.

Qua rà soát, một trong những khó khăn là chính sách hỗ trợ có điều kiện, hồ sơ và yêu cầu chuyên môn; một số doanh nghiệp và hộ kinh doanh nhỏ chưa đủ năng lực tự chuẩn bị hồ sơ. Vì vậy, xã tập trung hướng dẫn, phối hợp và đề nghị cơ quan chuyên môn cấp trên hỗ trợ đối với những nội dung vượt khả năng của cấp cơ sở.

Riêng số liệu về số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp thụ hưởng từng chính sách và tổng kinh phí hỗ trợ theo từng chương trình trong giai đoạn 01/01/2023 - 30/6/2026, hồ sơ cấp xã hiện chưa có bảng tổng hợp đầy đủ theo từng chính sách. Do đó, Ủy ban nhân dân xã không đưa số liệu ước tính vào báo cáo để bảo đảm tính chính xác khi Đoàn giám sát kiểm tra, đối chiếu.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW trên địa bàn xã Khánh An được thực hiện tương đối đồng bộ từ lãnh đạo, chỉ đạo đến cụ thể hóa bằng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Ban Thường vụ Đảng ủy xã đã ban hành Kế hoạch số 02-KH/ĐU; Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26/9/2025, trong đó xác định cụ thể mục tiêu phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh, hình thành chuỗi giá trị, tăng trưởng khu vực kinh tế tư nhân, năng suất lao động và chuyển đổi số.

Công tác tuyên truyền đã có kết quả cụ thể với 14 cuộc, 768 lượt người tham dự và 48 lượt tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân và trách nhiệm hỗ trợ của chính quyền.

Về quy mô khu vực kinh tế tư nhân, tính đến ngày 31/8/2026 xã có 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã với 178 xã viên và 333 hộ kinh doanh; trong đó 55 doanh nghiệp hoạt động thường xuyên. Từ năm 2023 đến nay, khu vực doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh đã góp phần tạo việc làm ổn định cho trên 1.000 lao động.

So với mục tiêu đến năm 2030 là 135 doanh nghiệp, số doanh nghiệp hiện có đạt khoảng 49,63%. Đây là cơ sở cho thấy công tác phát triển doanh nghiệp đã đạt kết quả bước đầu, nhưng vẫn còn dư địa lớn để tiếp tục phát triển.

Công tác hỗ trợ đã bám sát đặc điểm thực tế của xã, tập trung vào những nhóm nhiệm vụ mà cấp cơ sở có thể trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp như cải cách hành chính, hỗ trợ thủ tục đất đai, kết nối tín dụng, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đào tạo, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm.

2. Tồn tại, hạn chế

Chất lượng và tính ổn định của một bộ phận doanh nghiệp chưa cao. Trong 67 doanh nghiệp, có 04 doanh nghiệp chờ giải thể và 08 doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, tổng cộng 12 doanh nghiệp, chiếm khoảng 17,91%. Điều này cho thấy bên cạnh mục tiêu tăng số lượng doanh nghiệp, cần quan tâm hơn đến khả năng duy trì hoạt động và sức cạnh tranh sau thành lập.

Quy mô của 333 hộ kinh doanh và phần lớn doanh nghiệp còn nhỏ; khả năng tích lũy vốn, đầu tư công nghệ, thuê nhân lực chuyên môn và mở rộng thị trường còn hạn chế.

Khả năng tiếp cận vốn chưa đồng đều; một số chủ thể thiếu tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh chưa đủ khả năng đáp ứng yêu cầu vay vốn.

Ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thương mại điện tử chưa đồng đều; nhiều hộ kinh doanh vẫn hoạt động theo phương thức truyền thống.

Mặc dù xã có 04 hợp tác xã, 178 xã viên, liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ dân vẫn còn nhỏ lẻ, chưa hình thành nhiều chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ ổn định. Mục tiêu hình thành ít nhất 01 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị vẫn cần tiếp tục tập trung thực hiện.

Công tác xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường còn hạn chế; nhiều sản phẩm chưa có thị trường ổn định ngoài địa bàn.

3. Khó khăn, vướng mắc

Địa bàn xã rộng, dân cư phân bố không đồng đều, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản phân tán. Đây là nguyên nhân làm cho việc tập trung vùng nguyên liệu, đồng nhất quy trình, sản lượng và chất lượng gặp khó khăn.

Thị trường nông sản, thủy sản chịu tác động của giá cả và chi phí đầu vào; trong khi nguồn lực của phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn hạn chế.

Khả năng tiếp cận vốn, công nghệ, thị trường và nguồn nhân lực chất lượng cao của doanh nghiệp nhỏ còn hạn chế. Một bộ phận chủ thể chưa chủ động tiếp cận chính sách.

Nhiều nội dung hỗ trợ về tín dụng, đất đai, khoa học - công nghệ, xúc tiến thương mại và chính sách chuyên ngành thuộc thẩm quyền cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên ngành, nên cấp xã chủ yếu thực hiện vai trò hướng dẫn, phối hợp, kết nối, tổng hợp và kiến nghị.

4. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có quy mô nhỏ; vốn tự có và khả năng tích lũy thấp, trong khi yêu cầu đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, chuyển đổi số và mở rộng thị trường ngày càng cao.

Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản còn phân tán, khó tập trung sản lượng; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định; chi phí vận chuyển và kết nối thị trường chịu ảnh hưởng bởi điều kiện địa bàn.

b) Nguyên nhân chủ quan

Một bộ phận doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chưa chủ động đổi mới quản trị, tiếp cận chính sách, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và xây dựng thương hiệu.

Năng lực lập phương án sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính, phát triển thị trường và tổ chức liên kết của một số chủ thể còn hạn chế.

Việc tổng hợp, cập nhật dữ liệu chuyên sâu về mức độ thụ hưởng từng chính sách của từng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa đầy đủ, cần tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 02-KH/ĐU và Kế hoạch số 33/KH-UBND; lồng ghép mục tiêu phát triển kinh tế tư nhân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn.

Tập trung thực hiện các mục tiêu đến năm 2030, nhất là 135 doanh nghiệp, 40 - 50 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, 01 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị, tăng trưởng khu vực kinh tế tư nhân bình quân 10 - 12%/năm và năng suất lao động tăng bình quân 8,5 - 9,5%/năm.

2. Tập trung nắm tình hình 55 doanh nghiệp đang hoạt động thường xuyên, phân loại khó khăn và hỗ trợ theo từng nhóm. Đối với 04 doanh nghiệp chờ giải thể và 08 doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, tiếp tục phối hợp rà soát, cập nhật và xử lý theo quy định.

Mục tiêu là không chỉ tăng số lượng doanh nghiệp mà còn nâng tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động ổn định, có khả năng mở rộng và tham gia chuỗi giá trị.

3. Từ 333 hộ kinh doanh hiện có, tiếp tục rà soát, lựa chọn các hộ hoạt động ổn định, có quy mô, doanh thu, lao động và khả năng mở rộng để tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn chuyển đổi.

Phấn đấu thực hiện mục tiêu 40 - 50 hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp đến năm 2030.

4. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của 04 hợp tác xã với 178 xã viên; tăng cường liên kết với doanh nghiệp và hộ dân.

Tập trung vào lúa - tôm, thủy sản, chế biến nông - thủy sản; phấn đấu hình thành 01 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị, phù hợp mục tiêu của Đảng ủy xã.

5. Rà soát thủ tục liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; công khai, minh bạch; tăng cường số hóa; hạn chế việc bổ sung hồ sơ nhiều lần; duy trì tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc không gây phiền hà, nhũng nhiễu, không phát sinh chi phí không chính thức.

6. Tăng cường cung cấp thông tin tín dụng, phối hợp kết nối doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh với tổ chức tín dụng; hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh có tính khả thi.

7. Khuyến khích doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh sử dụng thương mại điện tử, mạng xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt, mã QR, truy xuất nguồn gốc và AI; ưu tiên giải pháp đơn giản, chi phí phù hợp.

8. Rà soát sản phẩm có lợi thế; hướng dẫn nâng cao chất lượng, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; tăng cường tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu và các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

9. Phối hợp giới thiệu, tổ chức các chương trình đào tạo về quản trị, tài chính, chuyển đổi số, thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường; khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động.

10. Thực hiện gặp gỡ doanh nghiệp định kỳ hàng quý theo Kế hoạch số 02-KH/ĐU; thường xuyên cập nhật tình hình 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã và 333 hộ kinh doanh, phân loại khó khăn về vốn, đất đai, thủ tục, lao động, công nghệ và thị trường để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành

Đề nghị tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW, Chương trình số 12-CTr/TU thành các chính sách cụ thể, để tiếp cận đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh ở khu vực nông thôn.

Đề nghị tăng cường các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, chuyển đổi số, thương mại điện tử, ứng dụng AI, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường; ưu tiên phương thức hỗ trợ thực hành, sát với điều kiện của 67 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã và 333 hộ kinh doanh trên địa bàn.

Đề nghị tăng cường kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đầu mối, hệ thống phân phối và các chương trình xúc tiến thương mại.

Đề nghị hỗ trợ hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ đối với lúa - tôm, thủy sản và nông sản; hỗ trợ xã thực hiện mục tiêu hình thành 01 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị.

Đề nghị quan tâm hướng dẫn và tháo gỡ các khó khăn thuộc thẩm quyền cấp tỉnh về đất đai, quy hoạch, đầu tư, tín dụng, khoa học - công nghệ, xúc tiến thương mại và chính sách chuyên ngành.

Đề nghị các sở, ngành cung cấp thường xuyên số liệu về các chương trình hỗ trợ và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã thụ hưởng để cấp xã có cơ sở tổng hợp, đánh giá đầy đủ hiệu quả chính sách.

2. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh

Đề nghị các chủ thể kinh tế chủ động nghiên cứu, tiếp cận chính sách; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực quản trị và quản lý tài chính; chủ động đầu tư đổi mới công nghệ và chuyển đổi số.

Đối với 333 hộ kinh doanh, chủ động nghiên cứu chuyển đổi thành doanh nghiệp khi đủ điều kiện, góp phần thực hiện mục tiêu 40 - 50 hộ chuyển đổi đến năm 2030.

Đối với 04 hợp tác xã, 178 xã viên, chủ động củng cố tổ chức, mở rộng liên kết, tập hợp hộ dân và tìm kiếm doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến.

Đối với 67 doanh nghiệp, chủ động nâng cao sức cạnh tranh, đầu tư chiều sâu, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, ứng dụng khoa học - công nghệ và từng bước tham gia các chuỗi giá trị của địa phương.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Khánh An. Ủy ban nhân dân xã Khánh An kính báo cáo Đoàn giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- LĐVP HĐND và UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hồng Duy